CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Dược phẩm Tipharco

Ngày 30/06/2025	16,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	12.1%	**-5.7%**	**-**

DT thuần
Q2/25
65.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.60| 13.1%
YoY: ▼17.0| -20.5%

LN thuần
Q2/25
0.19
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.20| -51.7%
YoY: ▼6.52| -97.2%

LN sau thuế
Q2/25
0.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.06| -18.0%
YoY: ▼5.40| -95.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.5%
YoY: +/-▼ 0.6%

ROE (TTM)
Q2/25
7.7%
YoY: +/-▼ 3.1%

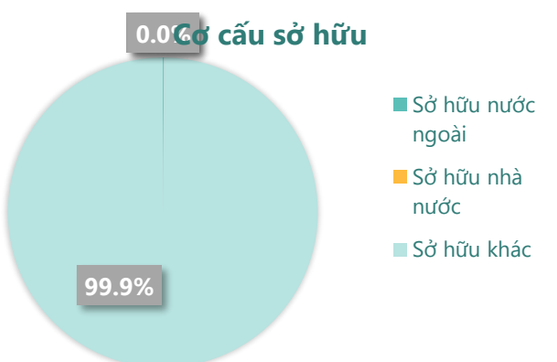
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,368 - 29,520
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	138
Số lượng CPLH (CP)	8,352,573
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,050
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.33
EPS	1,649
P/E	10.0

DT thuần
6T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.0| -17.0%

LN thuần
6T 2025
0.58
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.2| -95.1%

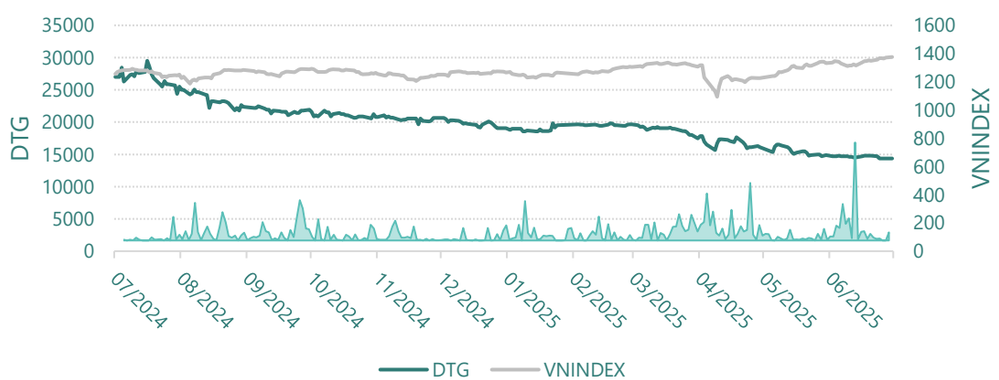
LN sau thuế
6T 2025
0.64
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.36| -93.6%

Cơ cấu sở hữu

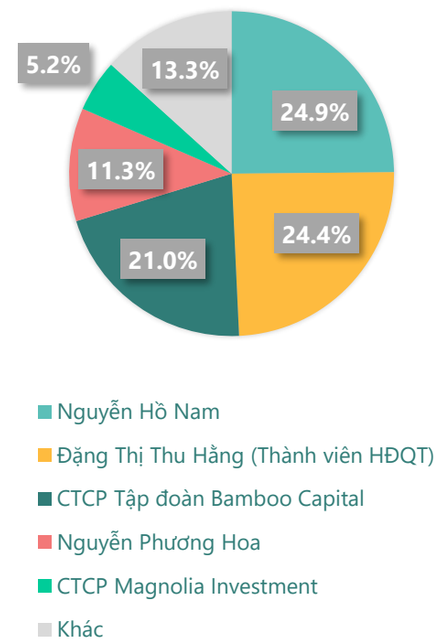


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



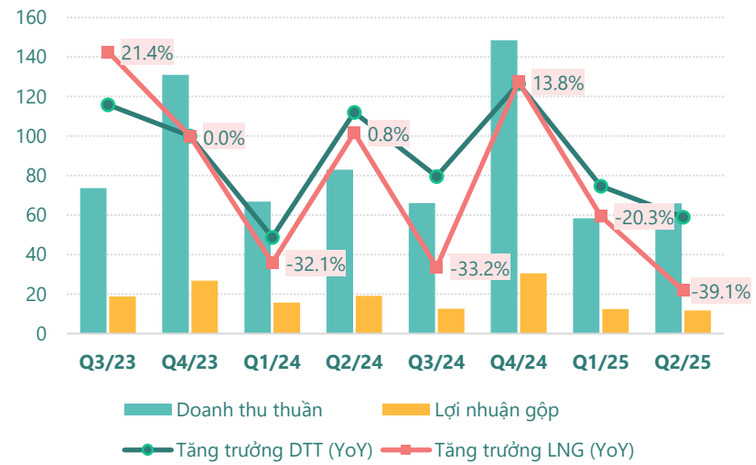
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

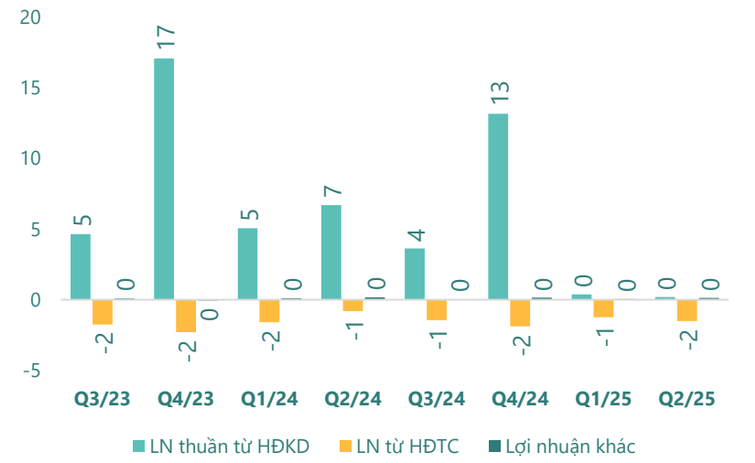
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



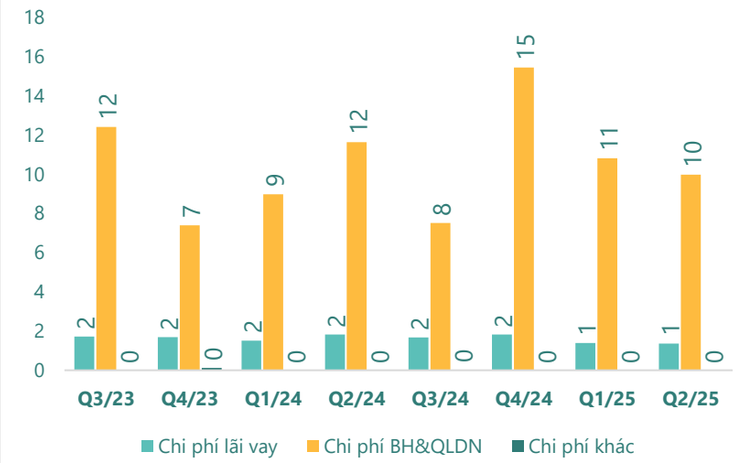
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



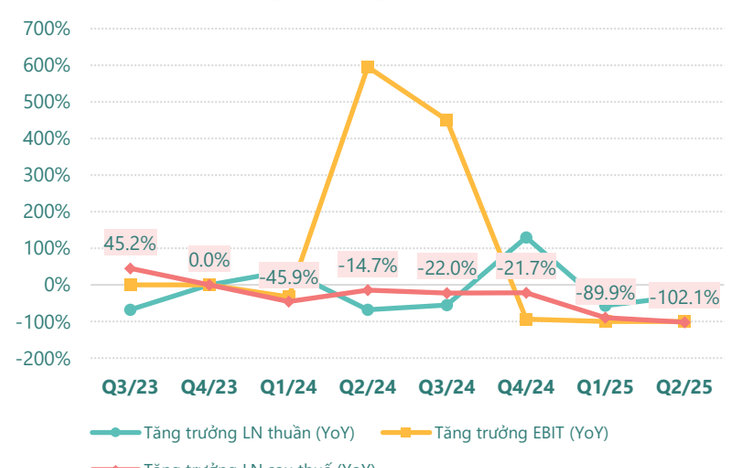
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



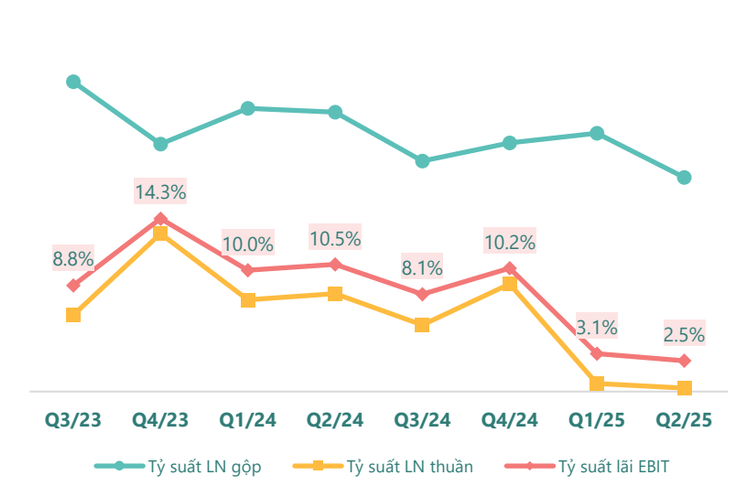
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



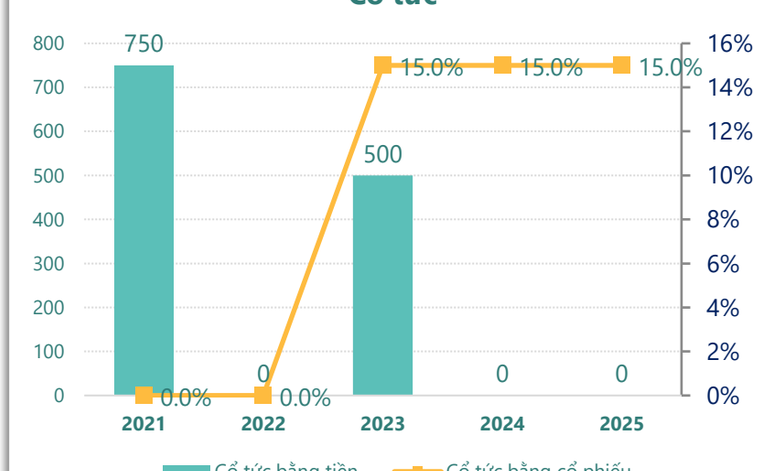
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

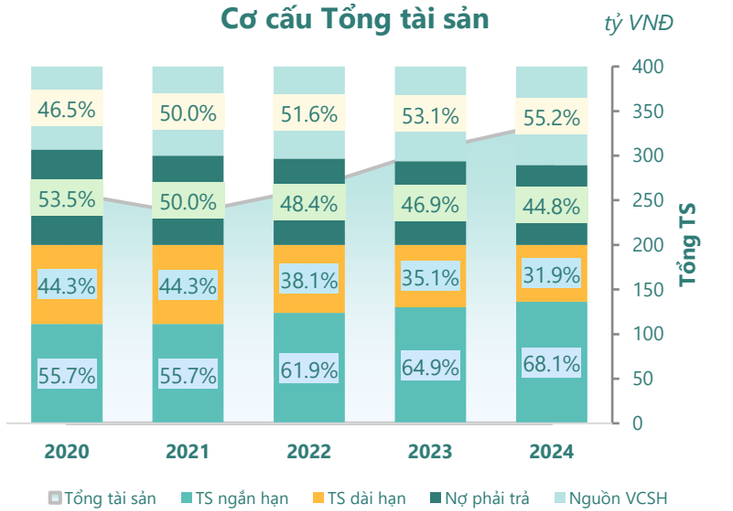
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

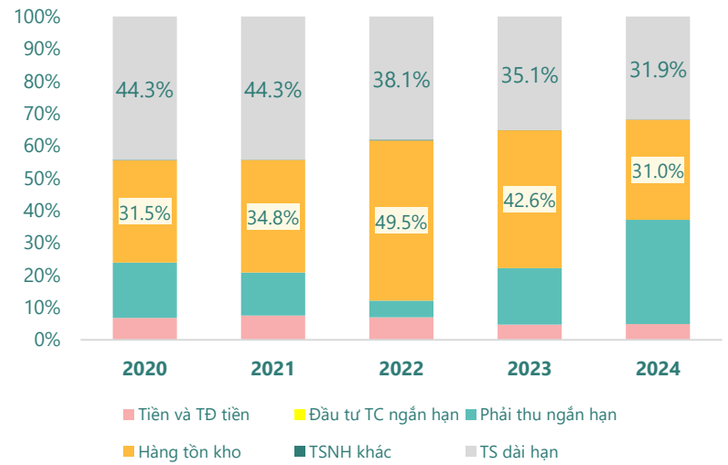
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



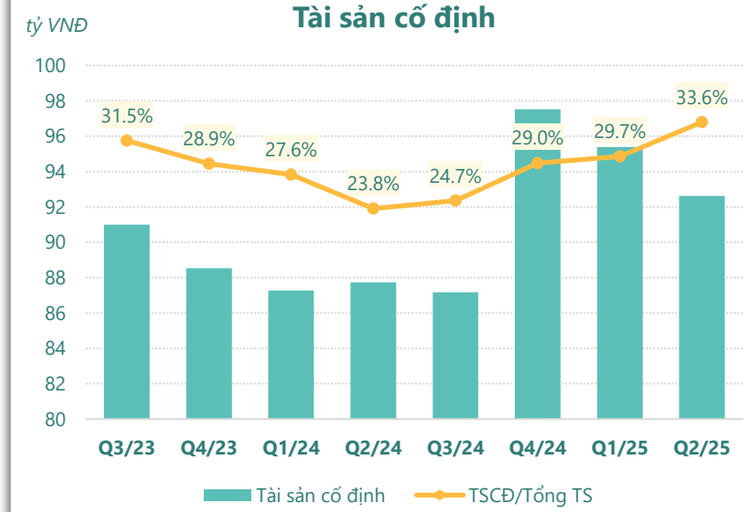
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



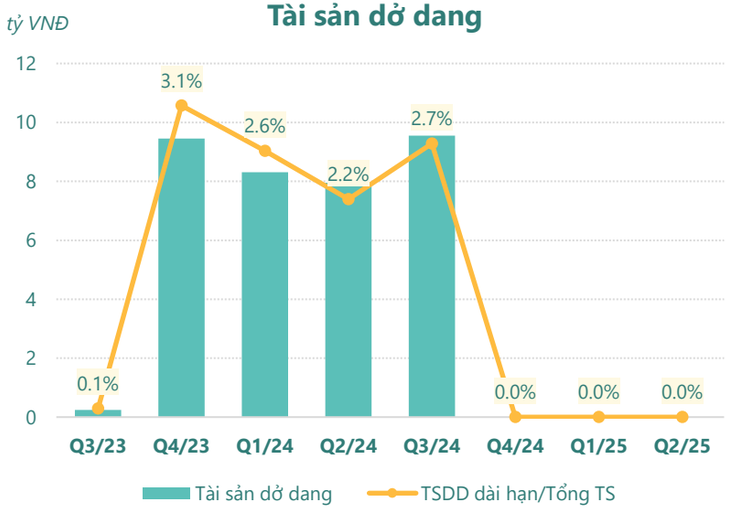
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



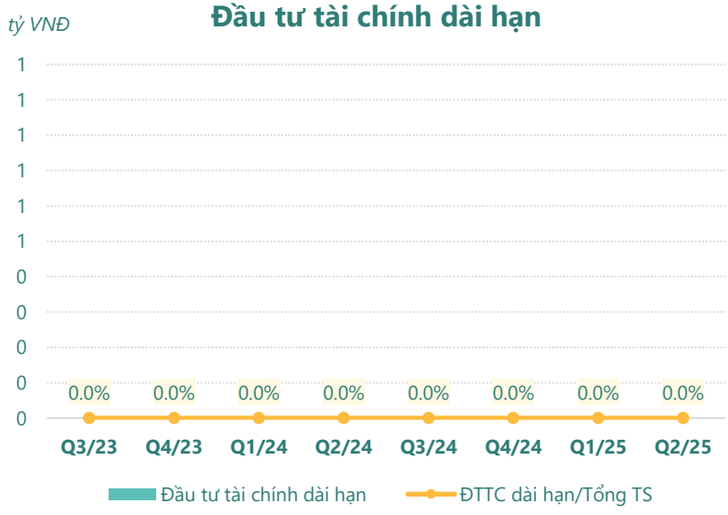
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



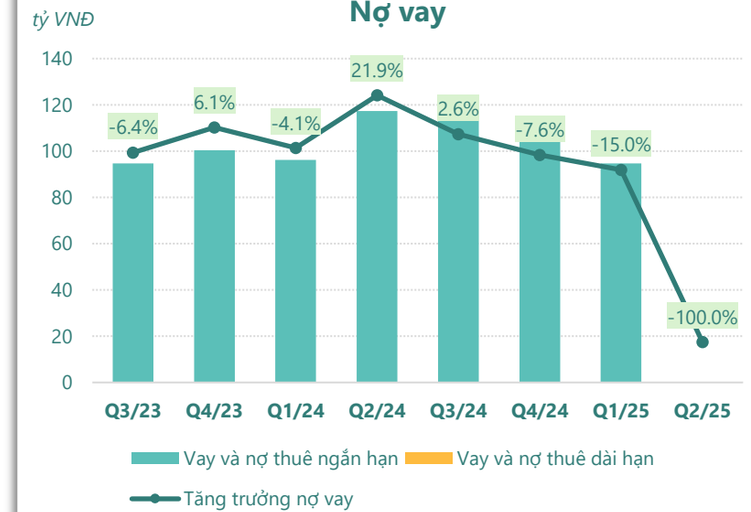
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

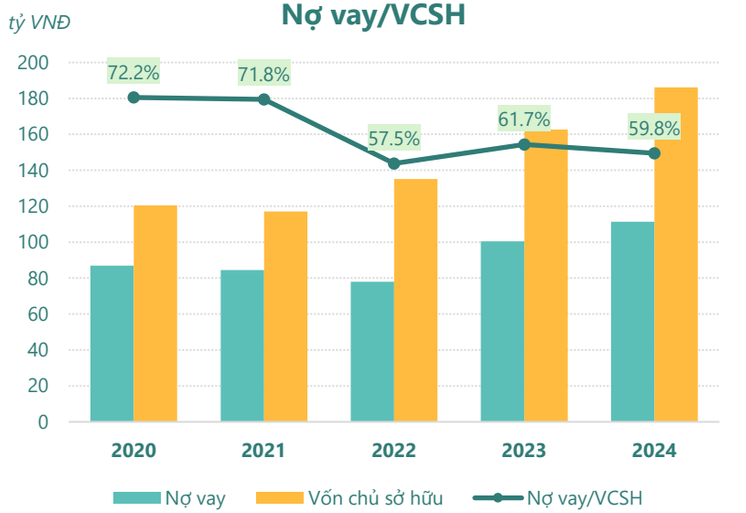
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

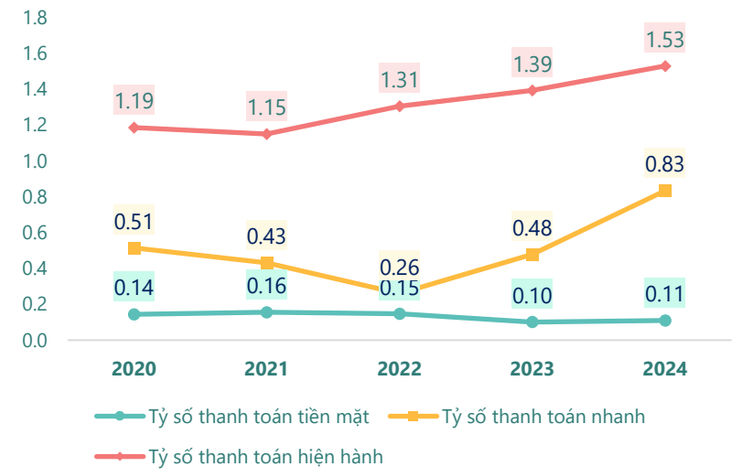
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



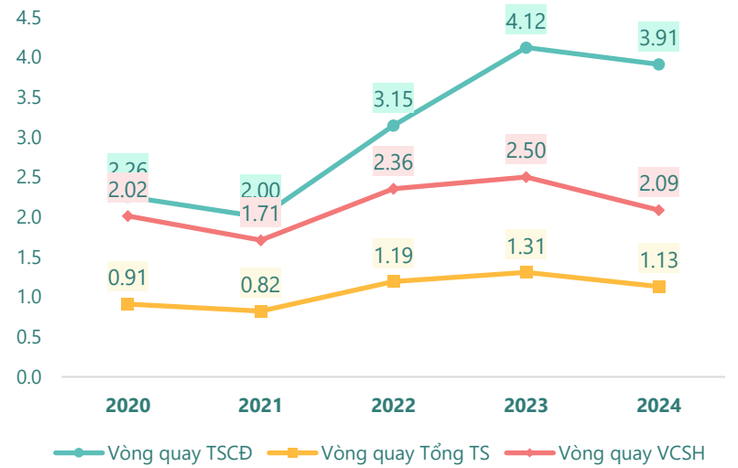
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



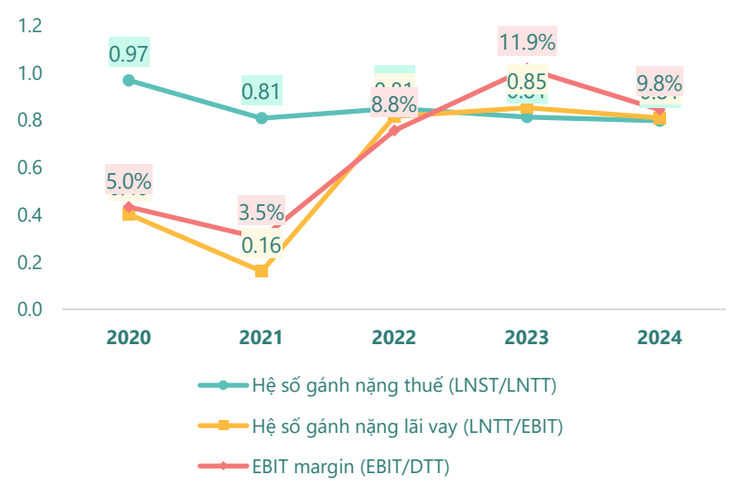
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



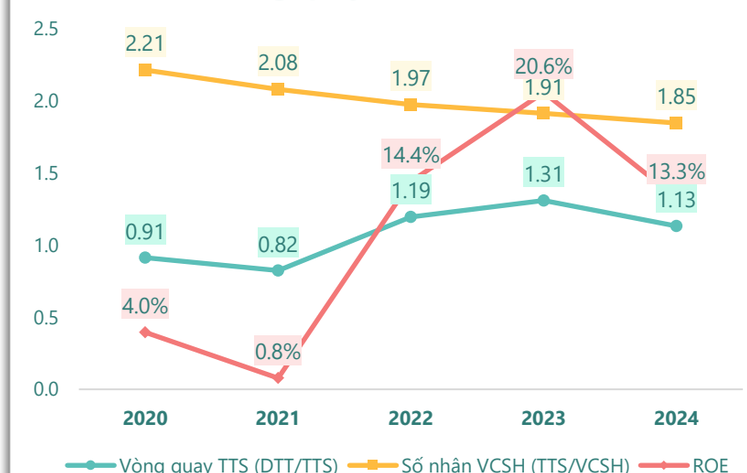
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



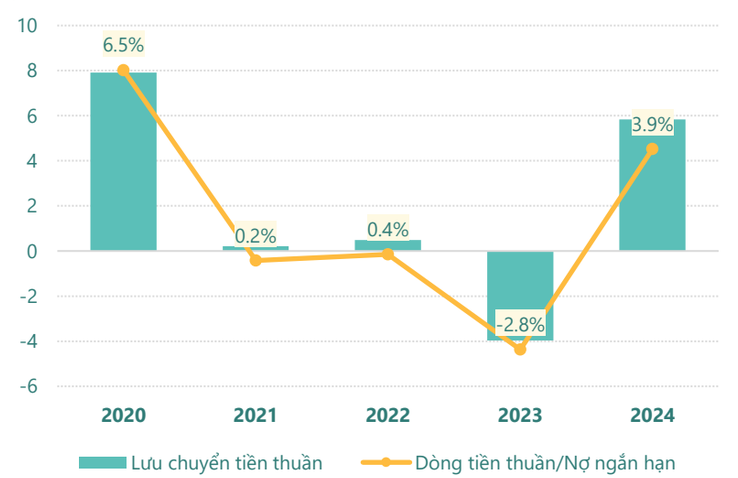
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**65.9**	**82.9**	**-20.5%**	**124**	**150**	**-17.0%**
Giá vốn hàng bán	54.3	63.8	-14.9%	100	115	-12.9%
Lợi nhuận gộp	11.7	19.2	-39.2%	24.1	34.8	-30.6%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.02	72.8%	0.18	0.03	588%
Chi phí TC	1.54	0.82	87.7%	2.93	2.41	21.7%
Chi phí lãi vay	1.37	1.82	-24.9%	2.76	3.34	-17.2%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.97	3.10	-4.2%	5.50	5.84	-5.8%
Chi phí QLDN	**7.01**	**8.54**	**-17.9%**	**15.3**	**14.8**	**3.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.19	6.71	-97.2%	0.58	11.8	-95.1%
Lợi nhuận khác	**0.12**	**0.17**	**-28.0%**	**0.17**	**0.28**	**-39.8%**
LN trước thuế	0.31	6.89	-95.5%	0.75	12.1	-93.8%
Lợi nhuận sau thuế	**0.29**	**5.69**	**-95.0%**	**0.64**	**10.0**	**-93.6%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.29**	**5.64**	**-94.9%**	**0.64**	**10.0**	**-93.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	18.3	-30.4	-2.89	23.7	17.0	39.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-11.8	2.85	-1.61	-3.15	-0.05	-0.30
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.66	17.5	3.11	-9.11	-16.7	-42.9
Tiền đầu kỳ	14.4	20.3	6.37	4.97	16.4	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	**5.89**	**-10.0**	**-1.40**	**11.4**	**0.32**	**-3.58**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.01	0	0.00
Tiền cuối kỳ	20.3	6.37	4.97	16.4	16.7	13.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**276**	**337**	**-18.1%**
Tài sản ngắn hạn	174	230	-24.3%
Tiền và tương đương tiền	13.1	16.4	-19.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	62.0	109	-42.8%
Hàng tồn kho	98.2	104	-6.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.49	0.18	167%
Tài sản dài hạn	**102**	**107**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0.31	0.31	0.0%
Tài sản cố định	92.6	97.5	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**9.03**	**9.50**	**-4.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	89.0	151	-40.9%
Nợ ngắn hạn	**88.4**	**150**	**-41.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	111	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	24.0	19.0	26.4%
Nợ dài hạn	0.67	0.73	-7.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**187**	**186**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**187**	**186**	**0.3%**
Vốn điều lệ	83.5	83.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)